

Ngũ căn – Ngũ lực

五根 – 五力

Pañca indriya – Pañca bala

Five spiritual faculties – Five powers

Nội dung

1. Khái niệm về chữ Chánh .

Chánh (正) = Chân chánh (真正; P: Dhammika; S: Dharmya; E: Righteous).

- Nghĩa chân đế: Chánh là chân lý Duyên khởi, nguyên lý “các Duyên sinh-diệt”.
- Nghĩa tục đế: Chánh là đạo đức Duyên khởi, nguyên tắc “lợi mình lợi người”.

2. Ngũ căn – Ngũ lực.

5 yếu tố cần thiết để hành giả làm nên 5 khả năng tương ứng đi từ chúng sinh đến bậc giác ngộ - giải thoát.

2.1. Ngũ căn = Ngũ thiện căn (五根; P: Pañca indriya; S: Pañcānām indriyāṇām; E: Five spiritual faculties).

1) **Tuệ căn** (慧根; P: Pannidriya; S: Prajñendriya; E: The faculty of wisdom): Đó là nền tảng của Tuệ hay Tuệ giác, là *Chánh tri kiến* (正知見; P: Samma-ditthi; S: Samyak-drsti; E: Right view, Relative truth // Truthful view, Ultimate truth).

1. Tuệ về chân lý (Duyên khởi) = Chân lý tuyệt đối (xuất thế gian) = Chân đế.
2. Tuệ về đạo đức (Duyên khởi) = Chân lý tương đối (thế gian) = Tục đế.

2) **Tín căn** (信根; P: Saddhindriya; S: Śraddhendriya; E: The faculty of faith): Đó là nền tảng của Tín, là *Chánh tín* (正信; P: Sammā-saddhā; S: Sammā-śraddhā; E: Right belief // Truthful belief).

1. Tín về chân lý (Duyên khởi).
2. Tín về đạo đức (Duyên khởi)

3) **Tấn căn** (進根; P: Viriyindriya; S: Viriyendriya; E: The faculty of exertion): Đó là nền tảng của Tấn, là Chánh tinh tấn (正精進; P: Samma-vayama; S: Samyak-vyayama; E: Right effort // Truthful effort).

1. Tấn về chân lý (Duyên khởi).
2. Tấn về đạo đức (Duyên khởi)

4) **Niệm căn** (念根; P: Satindriya; S: Smṛtindriya; E: The faculty of mindfulness): Đó là nền tảng của Niệm, là *Chánh niệm* (正念; P: Samma-sati; S: Samyak-smṛti; E: Right mindfulness // Truthful mindfulness).

1. Niệm về chân lý (Duyên khởi): Thường niệm nơi 4 đối tượng Thân Thọ Tâm Pháp.
2. Niệm về đạo đức (Duyên khởi).

5) **Định căn** (定根; P: Samādhindriya; S: Samādhindriya; E: The faculty of concentration): Đó là nền tảng của Định, là *Chánh định* (正定; P: Samma-samadhi; S: Samyak-samadhi; E: Right concentration // Truthful concentration).

1. Định về chân lý (Duyên khởi), đó là:
Sát-na định (P: Kṣaṇika-samādhī; S: Kṣaṇika-samādhī; E: Momentary focus).
2. Định về đạo đức (Duyên khởi): Chú tâm trên bất kỳ đối tượng nào.

2.2. Ngũ lực (五力; P;S: Pañca bala; E: Five Strengths, Five powers).

1) **Tuệ lực** (慧力; P: Paññā bala; S: Prajñābala → lực của Tuệ): Là sức mạnh của Chánh tri kiến, giúp hành giả thấu suốt sự hình thành và vận động mọi sự vật hiện tượng ở bản thân và thế giới bên ngoài. Từ đó hòa điệu cùng sự sống.

2) **Tín lực** (信力; P: Saddhā bala; S: Śraddhābala → lực của Tín): Là sức mạnh của Chánh tín, giúp hành giả vững tâm trước mọi thử thách.

3) **Tấn lực** (精進力; P: Viriya bala; S: Viriyabala → lực của Tấn): Là sức mạnh của Chánh tinh tấn, giúp hành giả vượt qua sự buông lung trong tu tập.

4) **Niệm lực** (念力; P: Sati bala; S: Smṛtibala → lực của Niệm): Là sức mạnh của Chánh niệm, giúp hành giả giữ tâm luôn tỉnh giác, không bị các phiền não chi phối.

5) **Định lực** (定力; P: Samādhī bala; S: Samādhībala → lực của Định): Là sức mạnh của Chánh định, giúp tâm hành giả không bị dao động, vững vàng an tịnh.



1. Khái niệm về chữ Chánh .

Chánh (正) là từ Hán Việt, có nghĩa là Chân chánh (真正; P: Dhammika; S: Dharmya; E: Righteous).

Chân chánh có nghĩa là chân thật, đúng đắn, không giả dối, không sai lệch, chính nghĩa, chính trực, lương thiện.

Chân chánh thường dùng để chỉ một người, một hành động hoặc một tư tưởng hợp với lẽ phải, tích cực mang lại lợi ích.

Trong đạo Phật thì Chánh hay Chân chánh có ý nghĩa là hợp đúng với Chánh pháp (正法; P: Saddhamma; S: Saddharma; E: True doctrine) với ý nghĩa như sau:

- Về phương diện Tục đế thì Chánh hay Chân chánh, là phù hợp với **đạo đức Duyên khởi**, tức theo đúng nguyên tắc “lợi mình lợi người”.

- Về phương diện Chân đế thì Chánh hay Chân chánh, là phù hợp với **chân lý Duyên khởi** đối với mọi nhận thức và hành động. Nơi đây, Chánh hay Chân chánh còn có nghĩa là **Vô lậu** (無漏; P: Tisso-sikkhà; S: Tisrah-sīkṣāḥ; E: three uncontaminated studies, threefold training)

Trong bài kinh số 141 “Đế Phân Biệt Tâm (P: Saccavibhaṅgacitta Sutta”, thuộc Trung Bộ kinh, luận về tiến trình giải thoát, đức Phật nói :

“Chánh định được tu tập cùng với 7 chi phần khác của Bát Chánh Đạo sẽ dẫn đến Chánh trí, và Chánh trí sẽ dẫn đến Chánh giải thoát”.

Với:

- Chánh trí [正智; P: Sammā-ñāṇa; S: Samyak- jñāna; E: (Right // Truthfull) knowledge]: Là tuệ giác, tức tuệ tri và liễu tri.

- Chánh giải thoát [正解脫; P: Sammā-vimutti; S: Samyak-vimukti; E: Right // Truthfull) liberation]: Là tự do thật sự.

- Bát Chánh Đạo (八正道; P: Ariya-aṭṭhaṅgikamagga; S: Āryāṣṭāṅgamārga; E: The Eightfold Path): Là 8 yếu tố căn bản đặc trưng về hành động, bao gồm *đạo đức Duyên khởi* và *chân lý Duyên khởi* giúp hành giả tu học để giác ngộ - giải thoát. Từ đó, trong cuộc sống mọi hành động đều nên chân chánh.

Dưới đây, là khảo sát khác về 5 hành vi của tâm, còn gọi là 5 trạng thái tâm căn bản “Ngũ căn-Ngũ lực” cũng hỗ trợ cho hành giả trong quá trình tu học giác ngộ - giải thoát.

2. Ngũ căn – Ngũ lực:



Ngũ căn là 5 trạng thái tâm căn bản, 5 yếu tố tâm lý căn bản giúp kiểm soát tâm và làm chủ tâm. Và khi mà Ngũ căn được tu tập, làm cho sung mãn thì sẽ biến thành Ngũ lực là 5 khả năng hay sức mạnh, hỗ trợ hữu hiệu cho hành giả trong thực hành tu học. Đây được xem là 5 yếu tố cần thiết để hành giả làm nên 5 khả năng tương ứng đi từ vị trí chúng sinh phàm phu đến bậc giác ngộ - giải thoát.

Ngũ căn

1. Tuệ căn 慧根	=	Chánh tuệ căn 正慧根
2. Tín căn 信根	=	Chánh tín căn 正信根
3. Tấn căn 進根	=	Chánh tấn căn 正精根
4. Niệm căn 念根	=	Chánh niệm căn 正念根
5. Định căn 定根	=	Chánh định căn 正定根

Ngũ chánh căn

Ngũ lực

1. Tuệ lực 慧力	=	Tuệ pháp lực 慧法力
2. Tín lực 信力	=	Tín pháp lực 信法力
3. Tấn lực 進力	=	Tấn pháp lực 進法力
4. Niệm lực 念力	=	Niệm pháp lực 念法力
5. Định lực 定力	=	Định pháp lực 定法力

Ngũ pháp lực

Mối quan hệ giữa Ngũ Căn và Ngũ Lực:

- Ngũ căn được ví như năm cánh tay của người tu tập, còn ngũ lực là sức mạnh của năm cánh tay đó.
- Khi ngũ căn được tu tập và phát triển, thì ngũ lực sẽ hình thành, có sức mạnh chống lại các phiền não và chướng ngại, đưa người tu hành đến sự giải thoát.
 - Ngũ căn được xem là Nhân (thiện lành và trí tuệ)
 - Ngũ lực được xem là Quả (khả năng và sức mạnh)



2.1. Ngũ căn = Ngũ thiện căn (五根; P: Pañca indriya; S: Pañcānām indriyāṇām; E: Five spiritual faculties). Với căn 根 có nghĩa là căn bản, là nền tảng, cội rễ. Theo đó:

Ngũ căn là năm yếu tố nội tại của tâm, làm căn bản cho sự tu tập. Ngũ căn ở đây chỉ cho năm **Vô lậu căn**, bao gồm **Tín căn**, **Tấn căn**, **Niệm căn**, **Định căn** và **Tuệ căn**, được soi sáng bởi Chánh tri kiến là Chân lý Duyên khởi và Đạo đức Duyên khởi. Chúng là những phẩm chất nền tảng ban đầu, là gốc rễ để phát triển sức mạnh nội tâm, dẫn dắt hành giả đi trên con đường giác ngộ - giải thoát.

Chú thích: **Vô lậu** (無漏; P: Anāsava; S: Anasrāva; E: Free from intoxicants): Lậu là nói gọn của lậu hoặc (漏惑; P: Āsava; S: Āsrava; E: Intoxicants). Trong đó:

Lậu 漏: Là ô nhiễm, phiền não.

Hoặc 惑: Là mê lú, mê lầm.

Theo đó, *lậu hoặc* 漏惑 là phiền não mê lầm do **Si**, và Vô lậu là không có phiền não do Si. Phiền não do Si là không hiểu biết hay hiểu biết sai về chân lý Duyên khởi, theo đó mà dễ dàng rơi vào các bám chấp Tham hay Sân.

Hành giả đạt tâm vô lậu được xem là bậc đã dứt phiền não và đạt cảnh giới thanh tịnh. Ngược lại, hữu lậu được xem là người hãy còn Si (mê lầm) chưa đoạn được những mối phiền não, lại hãy còn nuôi dưỡng cái lòng ham muốn bám chấp Tham Sân nên hãy còn bị động trong sinh tử luân hồi.

Trí vô lậu là trí của các bậc đắc quả Thánh không còn phiền não bám nhiễm. Trí vô lậu không gì khác hơn là khả năng thông suốt chân lý Duyên khởi, thấy được cái mà kẻ khác không thể thấy.

- Trong Kinh Pháp Cú – Phẩm Ác, kệ 129 có viết:

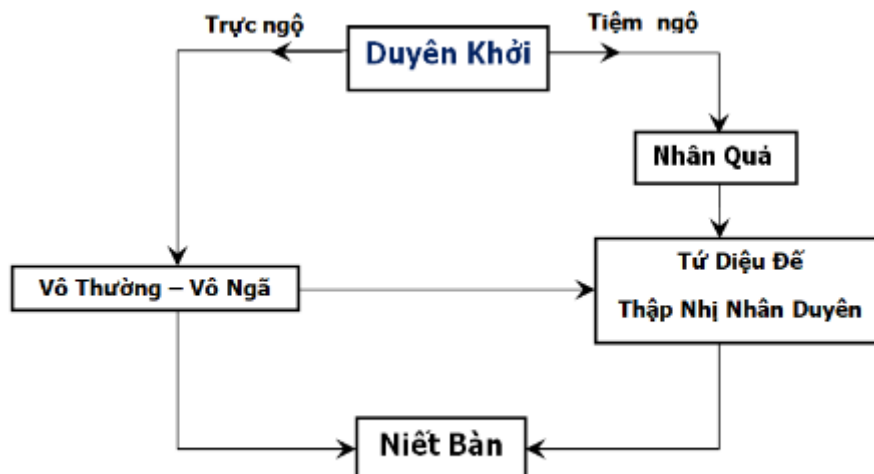
*Người thiện lên cõi trời,
Vô lậu chứng Niết Bàn.*

Trong kinh Phúng Tụng, thuộc Trường Bộ kinh, có đề cập rõ đến Ngũ căn 五根 là 5 yếu tố căn bản đưa đến giác ngộ-giải thoát, đó là năm 5 pháp chủ yếu làm nền tảng về động lực chân chánh, khả năng chân chánh cần có, nhằm đạt đến giác ngộ - giải thoát, như:

1) Tuệ căn (慧根; P: Pannidriya; S: Prajñendriya; E: The faculty of wisdom)
: Có ý nghĩa là nền tảng của Tuệ hay Tuệ giác, đó là *Chánh tri kiến*, là *thấy biết rõ Chánh pháp* – tức thấy biết rõ chân lý Duyên khởi và đạo đức Duyên khởi. Tuệ căn là nguồn cội sức mạnh của tuệ giác (Tuệ lực).

Tuệ = Chánh tri kiến (正知見; P: Samma-ditthi; S: Samyak-drsti; E: Right view, Right understanding // Truthful view, Truthful understanding) : Đó là *thấy* (kiến 見) đúng lẽ thật và *hiểu, biết* (tri 知) đúng lẽ thật. Lẽ thật nơi đây gồm 2 ý nghĩa:

1. Tuệ về chân lý (Duyên khởi) = Chân lý tuyệt đối (xuất thế gian) = Chân đế (真諦; P: Paramattha-sacca; S: Paramārtha-satya; E: Ultimate truth, Truthful view)
[Xem thêm Duyên khởi ở mục Giáo lý Trung đạo]



Pháp phương tiện “Duyên khởi” dẫn hường cho việc học Phật và tu Phật

Trong kinh Tư Ích (Viśeṣasāntarabrahma-pariprocchā sūtra) có ghi:

*Các pháp từ Duyên sinh.
Tự không có định tính.
Biết được nhân duyên này.
Đạt thuộc tính các pháp.*

Trong kinh Tương Ưng bộ 2 - đức Phật đã trả lời vị tỳ kheu :

“ ...Này Kaccayana, ai với trí thấy như thực - thế giới **tập khởi**, vị ấy không chấp nhận thế giới này là **không có**.

... Này Kaccayana, ai với trí thấy như thực - thế giới **đoạn diệt**, vị ấy không chấp nhận thế giới này là **có**.

...Vị ấy không nghi ngờ, không phân vân, không duyên vào ai khác; trí ở đây là của vị ấy. Cho đến như vậy, này Kaccayana, là **Chánh tri kiến**”

2. Tuệ về đạo đức (Duyên khởi) = Chân lý tương đối (thế gian) = Tục đế (俗諦; P: Sammuti-sacca; S: Saṃvṛti-satya; E: Relative truth, Right view) với nguyên tắc chuẩn mực sau:

"Mọi hành động đem lại lợi mình-lợi người, được xem là tốt, là thiện, là lành.

Mọi hành động đem lại lợi mình-hại người hay hại mình-lợi người hay hại mình-hại người, được xem là xấu, là ác, là dữ."

Chân lý Duyên khởi và Đạo đức Duyên khởi là phương tiện nhằm đoạn tận Tham-Sân-Si nơi thế gian và xuất thế gian. Hành giả tùy duyên ứng xử Chân lý (chân đế) hay Đạo đức (tục đế), mà không dính mắc vào Chân lý, Đạo đức. Với Chánh tri kiến chủ đạo cho 7 chi phần còn lại, nên Bát Chánh Đạo là pháp Trung đạo, gọi là Trung đạo Duyên khởi.

Trong kinh Tương Ưng Bộ IV. Trang 404 nêu rõ:

"Đoạn tận (E: to transcend // transcendence, transcendency) Tham, đoạn tận Sân, đoạn tận Si, đây gọi là Niết-bàn".

Trong kinh Tạp A Hàm có chép:

"Niết-bàn có nghĩa là dập tắt (E: to extinguish // extinction) hoàn toàn ngọn lửa phiền não, là đoạn trừ Nghiệp gây ra từ ba bất thiện là Tham, Sân và Si."

Chánh tri kiến chỉ được hình thành trên sự thấu hiểu Chánh pháp – nguyên lý Duyên khởi và nguyên tắc Đạo đức. Từ đó hướng tới tình giác trên hợp thể ngũ uẩn là "*Không*", tình giác trên mọi hành động bởi "*Vô Ngã*" ("*Ngoài sự học chánh pháp, không có người học chánh pháp*"), nhằm viễn ly các chấp thủ về tướng, về tác, về tính.

Với Chánh **tri kiến** thì có thể chắc chắn rằng suy tưởng (**tư duy**) sẽ đúng lẽ thật và trong sáng, và khi suy tưởng này thuần thực thì lời nói (**ngữ**), hành động (**nghiệp**) và sinh sống (**mạng**) cũng sẽ đúng không khác. Chánh tri kiến sẽ soi sáng sự nỗ lực (**tinh tấn**) là có lợi hay có hại cho việc nhớ nghĩ (**niệm**) và việc chuyên chú (**định**). Tất cả đều hướng về thấy-hiểu đúng lẽ thật.

2) Tín căn (信根; P: Saddhindriya; S: Śraddhendriya; E: The faculty of faith): Có ý nghĩa là nền tảng của Tín, đó là *Chánh tín*, là đặt niềm tin vào Chánh pháp, tức đặt

niềm tin vào Tam Bảo (*), đó chính là chân lý Duyên khởi và đạo đức Duyên khởi. Tín căn là nguồn cội sức mạnh của việc tin (Tín lực).

(* **Chú thích:** **Tam bảo** (三寶; P: *Tiratana*; S: *Triratna*; E: Triple Gems, Three Jewels): Là ba yếu tố căn bản *Phật, Pháp, Tăng*, minh định chân lý khách quan của Phật giáo, đó là chân lý Duyên khởi.

Tín = Chánh tín (正信; P: *Sammā-saddhā*; S: *Sammā-sraddhā*; E: Right belief // Truthful belief).

1. **Tín về chân lý** (Duyên khởi; E: Truthful belief).

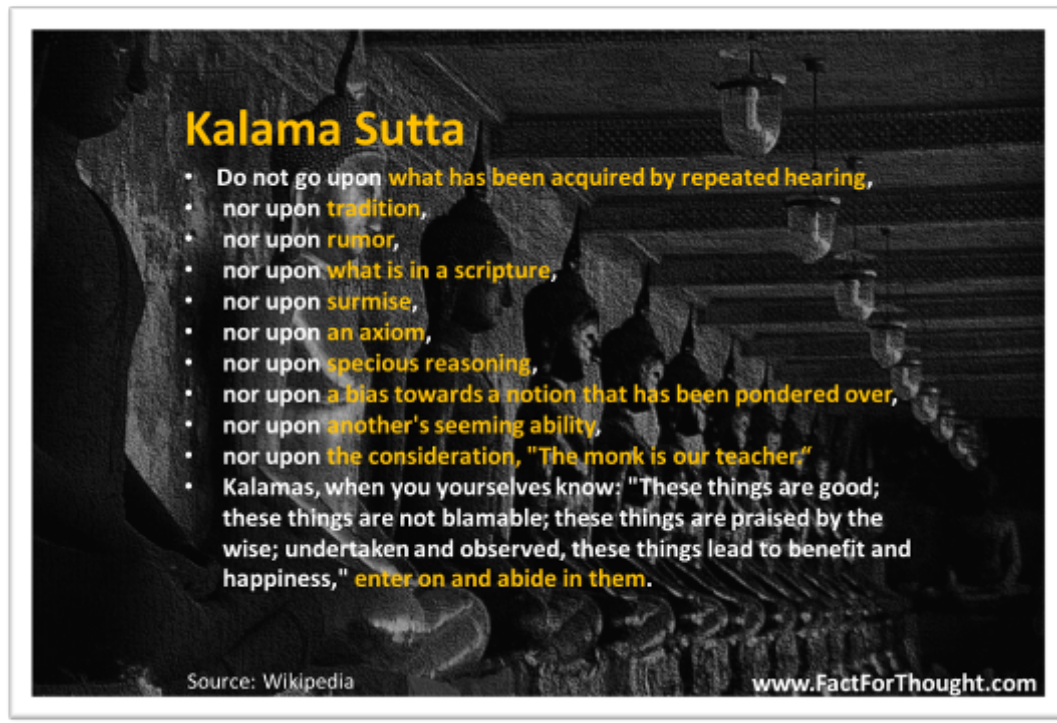
Chánh tín trong đạo Phật là niềm tin gắn liền mọi sự mọi vật với *Chánh tri kiến*, nghĩa là mọi sự vật hiện tượng vật lý hay tâm lý được tin tưởng rằng chúng sẽ diễn biến theo chân lý Duyên khởi khách quan và tự nhiên (là Vô ngã, Vô thường, Nhân Quả, ...). Và như thế có thể thấy rằng, ngay thời đức Phật còn tại thế, niềm tin và lý trí dưới ánh sáng của Phật pháp đã không có tính chống trái nhau, mà lại hòa nhau, bổ túc cho nhau, thúc đẩy con người vượt qua những trì trệ, buông lơi trước những khó khăn, thử thách gặp phải.

Vì thế, Chánh tín là niềm tin chân chánh mà con người ở bước đầu đến với đạo Phật không phải đắn đo ngờ vực, và Chánh tín cũng chính là động lực chân chánh hướng con người tới tuệ giác cùng những lợi lạc cho thế giới sống này. Chánh tín có thể gọi là **Tín Ba-la-mật**, tương tự như Bồ thí Ba-la-mật, ... vậy).

Trong kinh Hoa Nghiêm đã từng khai thị: “*Chánh tín là căn nguyên của đạo, là mẹ của mọi công đức, nuôi lớn hết thảy thiện pháp, khai thị con đường tối thượng dẫn đến Niết-bàn*”.

2. **Tín về đạo đức** (Duyên khởi; E: Right belief).

Chánh tín vào đạo đức Duyên khởi là niềm tin gắn liền với mọi sự mọi vật qua phân biệt đúng-sai, thiện-ác, tốt-xấu, ... vào các quy ước, quy định của xã hội, của cộng đồng bằng nguyên tắc “Lợi mình – Lợi người”, điển hình như được trình bày trong kinh Kalama Sutta



[Kalama Sutta - Wikipedia, the free encyclopedia](#)

Về phương pháp thực hành niềm tin, đức Phật đã khai thị trong Tăng Chi Bộ Kinh (III. 539-43), thường được biết là [Bài kinh Phật thuyết cho người dân Kalama](#) như sau :

"Một ngày kia, đức Phật đi qua một thị trấn nhỏ, tên là Kesaputta, thuộc vương quốc Kosala. Người dân tại đó gọi là dân Kalama liền tới thăm đức Phật và trình bày sự hoang mang của họ trước sự kiện các sa-môn và tu sĩ Bà-la-môn đi ngang qua đây, đều đề cao tôn chỉ của mình và chê bai tôn chỉ của người khác. Như vậy, họ đâm ra nghi ngờ, không biết người nào nói thật, người nào nói sai, không biết nên tin theo ai.

Đức Phật bèn giảng cho họ về mười nền tảng của một niềm tin tốt – niềm tin chân chánh, và khuyên họ luôn giữ tinh thần phê phán, không chấp nhận một điều gì là thật trước khi tự mình kiểm chứng và thực nghiệm...

Đức Phật nói: Nay các thiện nam tín nữ Kalama, nhân đây Như Lai sẽ giảng giải về 10 nền tảng của niềm tin chân chánh:

- Một là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều đó là truyền thuyết.

- Hai là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều đó thuộc về truyền thống.
- Ba là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều đó được nhiều người nhắc đến hay tuyên truyền.
- Bốn là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều đó được ghi lại trong kinh điển hay sách vở.
- Năm là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều đó thuộc lý luận siêu hình.
- Sáu là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều đó phù hợp với lập trường của mình.
- Bảy là, chớ vội tin một điều gì, khi mà điều đó được căn cứ trên những dữ kiện hời hợt.
- Tám là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều ấy phù hợp với định kiến của mình.
- Chín là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều ấy được sức mạnh và quyền uy ủng hộ.
- Mười là, chớ vội tin một điều gì, chỉ vì điều ấy được các nhà truyền giáo hay đạo sư của mình tuyên thuyết.

Này các thiện nam tín nữ, khi nghe một điều gì, các vị phải quán sát, suy tư và thể nghiệm, chỉ khi nào, sau khi kiểm nghiệm, quý vị thực sự nhận thấy: "Lời dạy này tốt lành, đạo đức, hướng thiện, chói sáng và được người trí tán thán, nếu sống và thực hiện lời dạy này sẽ đưa đến hạnh phúc, an lạc ngay hiện tại và về lâu, về dài" thì lúc ấy quý vị hãy đặt niềm tin bất động và thực hành theo".



Đại tháp tường niệm 5 tầng Kesaria tại Kesariya, một thị trấn của Kosala - nơi cư trú của người Kalamas, được đức Phật tuyên thuyết bài kinh nổi tiếng về niềm tin.

Có lẽ trong suốt lịch sử nhân loại, chưa có một triết gia hay một giáo chủ tôn giáo nào có một thái độ tự do, cởi mở, đề cao lý trí và thực nghiệm như vậy. Ngoài đức Phật ra, ai có thể nói với người khác được rằng: *Đừng tin vào kinh điển, đừng tin vào lời dạy của chính mình!*

Chánh tín khác với Đức tin là sự tin tưởng chấp nhận sự kiện chưa được chứng kiến và hiểu biết, được cho là chân lý, như tin tưởng vào một Thượng Đế tự hữu và hằng hữu, có quyền năng tạo dựng muôn loài, có quyền thưởng phạt *vật thụ tạo* (= vật được tạo dựng) theo ý muốn; ví dụ phải tin rằng có vị Thượng Đế mà xưa nay không ai thấy biết được, có quyền tạo nên thiên tai, dịch bệnh, ... mà con người phải kính sợ, cầu nguyện Thượng Đế ban cho ân sủng để được sống vĩnh cửu và sung sướng hạnh phúc đời đời. Vị Thượng Đế vô hình tướng và không hiện thực mà đầy quyền uy kia được các tôn giáo xem là chân lý, chỉ là thứ *chân lý chủ quan do con người chế tác* !

3) Tấn căn (進根; P: Viriyindriya; S: Vīryendriya; E: The faculty of exertion): Đó là nền tảng của Tấn, là *Chánh tinh tấn*, là tinh tấn thực hành Chánh pháp. Tấn căn là nguồn cội sức mạnh của việc tinh tấn (Tấn lực), hướng tới làm chủ thân-khẩu-ý.

Tấn = Chánh tinh tấn (正精進; P: Samma-vayama; S: Samyak-vyayama; E: Right effort // Truthful effort): Đó là chú tâm, chuyên cần biểu hiện hợp với Chánh tri kiến qua 4 phạm vi sau:

1. Tấn về chân lý (Duyên khởi; E: Truthful effort).

Đó là mặt vượt lên Thiện-Ác, dựa vào nguyên lý của chân lý Duyên khởi mà phân loại, ta có 4 điều tinh tấn (= *không dễ dãi*) cho mọi đối tượng, thường là đối tượng Tứ niệm xứ:

- Pháp dễ dãi (P: pamāda) đó là pháp thất niệm, quên mình, không có trí nhớ, không có trí tuệ biết mình, tức lười biếng (E: indolence), cầu thả (E: remissness), lơ là (E: negligence).

- Pháp không dễ dãi (P: appamāda) đó là tinh tấn Chánh niệm, chẳng hạn trên 4 xứ:

1. Tinh tấn Niệm thân.
2. Tinh tấn Niệm thọ.
3. Tinh tấn Niệm tâm.
4. Tinh tấn Niệm pháp.

Nhằm để hành giả thấy biết rõ thực tính của các pháp, dẫn đến chứng ngộ chân lý và Niết-bàn, đoạn diệt tuyệt mọi phiền não, mọi tham ái không còn dư sót.

Trong kinh Pháp Cú, kệ 21 đức Phật dạy về pháp không dễ dãi và pháp dễ dãi rằng:

*Pháp không dễ dãi, thường có Chánh niệm,
Là con đường đến Niết-bàn bất tử.
Và pháp dễ dãi, thường hay thất niệm,
Là con đường vòng, tử sinh luân hồi.*

Đây được xem là chi tiết hóa chi phần *Chánh tinh tấn* trong Bát Chánh Đạo.

2. Tấn về đạo đức (Duyên khởi; E: Right effort).

Về mặt Thiện-Ác, dựa vào nguyên tắc của đạo đức Duyên khởi mà phân loại, ta có 4 điều tinh tấn :

1. Tinh-tấn ngăn các ác-pháp chưa phát sinh, thì không cho phát sinh.
2. Tinh-tấn diệt ác-pháp đã phát sinh.
3. Tinh-tấn làm thiện-pháp chưa phát sinh, thì cho phát sinh.
4. Tinh-tấn làm tăng trưởng thiện-pháp đã phát sinh.

4) Niệm căn (念根; P: Satindriya; S: Smṛtīndriya; E: The faculty of mindfulness)

Đó là nền tảng của Niệm, là *Chánh niệm*, là thường ghi nhớ thực hành Chánh pháp, cụ thể là soi sáng Tứ niệm xứ: Thân, Thọ, Tâm, Pháp. Niệm căn là nguồn cội sức mạnh của việc niệm (Niệm lực).

Niệm = Chánh niệm (正念; P: Samma-sati; S: Samyak-smṛti; E: Right mindfulness // Truthful mindfulness): Đó là nhớ nghĩ mang tính cảnh giác thường xuyên. Hành giả cần lưu ý rằng Chánh niệm là nhân - Tỉnh giác là quả, và có thể thực hành Chánh niệm với Chánh tri kiến, niệm Căn thể hiện năng lực an lập từ nhiệm vụ không quên, với nội dung sau:

1. Niệm về chân lý (Duyên khởi; E: Truthful mindfulness).

Thực hành niệm trên mọi việc ta tiếp xúc, ở mọi lúc như đi, đứng, nằm, ngồi hay trên 4 lãnh vực (Tứ niệm xứ) *thân, thọ, tâm, pháp* với sự soi sáng của chân lý Duyên khởi (Vô thường – Vô ngã).

2. Niệm về đạo đức (Duyên khởi; E: Right mindfulness).

Thực hành niệm trên mọi việc ta tiếp xúc, ở mọi lúc như đi, đứng, nằm, ngồi, ăn uống ... bằng sự soi sáng của đạo đức Duyên khởi (Lợi mình – Lợi người).

5) Định căn (定根; P: Samādhindriya; S: Samādhīndriya; E: The faculty of concentration): Đó là nền tảng của Định, là *Chánh định*, là không dao động của tâm trước mọi hoàn cảnh. Định căn làm nên sức mạnh của việc định (Định lực).

Định = Chánh định (正定; P: Samma-samadhi; S: Samyak-samadhi; E: Right concentration // Truthful concentration): Theo kinh Đại Tứ Thập – Trung Bộ 3, đó là tập trung thuần nhất, không dao động trên sự thành tựu của 7 chi phần còn lại của Bát Chánh Đạo, hợp với Chánh tri kiến.

1. **Định về chân lý** (Duyên khởi; E: Truthful concentration).

Chánh định còn được gọi là Sát-na định (P: Khanika-samādhī; S: Kṣaṇika-samādhī; E: Momentary focus), đây là định tâm trên đối tượng là mỗi danh pháp hoặc mỗi sắc pháp bất kỳ trong thời hiện tại (P: ārammaṇapaccuppannā → sát-na hiện tại) tùy theo nhân duyên của nó. Sát-na định này, lấy chân lý Duyên khởi (Vô thường – Vô ngã) làm nội dung căn bản cho định.

Nói cách khác, nội dung Chánh định này là tâm luôn sáng suốt không dao động trước mọi hoàn cảnh, trước mọi đối tượng, đồng thời tâm không trụ vào đâu cả. Điều này trái với tính chất định của Tứ thiền Bát định nơi thiền Sắc giới và Vô sắc giới.

Chánh định chân lý còn gọi là Đại định 大定, Kim Cương định 金剛定 hay Vô lậu định 無漏定.

Trong kinh Hạnh Phúc (P: Mangala sutta), bài kệ của Pháp 35/ 38 Pháp hạnh phúc có nói:

*Khi xúc chạm việc đời
Tâm không động, không sầu,
Tự tại và vô nhiễm,
Là phúc lành cao thượng.*

Trong kinh Để Phân Biệt Tâm - Trung Bộ kinh, luận về tiến trình giải thoát, đức Phật nói : “ *Chánh định được tu tập cùng với 7 chi phần khác của Bát Chánh Đạo sẽ dẫn đến Chánh trí, và Chánh trí (P: Samma-ñāṇa) sẽ dẫn đến Chánh giải thoát (P: Samma-vimutti)*”.

2. **Định về đạo đức** (Duyên khởi; E: Right concentration).

Về mặt đạo đức, Chánh định là định tâm trên đối tượng là mỗi danh pháp hoặc mỗi sắc pháp bất kỳ, trong thời hiện tại. Nội dung của định này lấy đạo đức Duyên khởi (Lợi mình – Lợi người) làm căn bản cho định.

Chú thích: Tứ thiên định gồm **Sơ thiên, Nhị Thiên, Tam thiên, Tứ thiên** là 4 tầng thiên của Sắc giới thuộc Tam giới (Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới) nên là chúng sinh định, không phải là Chánh định của bậc giác ngộ.

Có thể thấy rằng Tín căn, Tấn căn, Niệm căn, Định căn được đặt trên nền tảng của Tuệ căn, là thấu hiểu Chánh pháp, là chân lý Duyên khởi và đạo đức Duyên khởi [tương tự như khi thực hành 7 chi phần của Bát Chánh Đạo trên nền tảng của chi phần thứ nhất là Chánh tri kiến].



2.2. Ngũ lực (五力; P;S: Pañca bala; E: Five Strengths, Five powers). Với: Lực 力 là sức mạnh, khả năng. Theo đó:

Ngũ lực là 5 khả năng của năm căn này, đó là 5 sức mạnh giúp hành giả trở nên vững vàng và có khả năng chống lại các chướng ngại trên con đường tu tập. Ngũ lực bao gồm Tín lực, Tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực.

1) Tuệ lực (慧力; P: Paññā bala; S: Prajñābala → lực của *Chánh tri kiến*): Là sức mạnh của Chánh tri kiến, giúp hành giả thấu suốt sự hình thành và vận động mọi sự vật hiện tượng ở bản thân và thế giới bên ngoài. Từ đó hòa điệu cùng sự sống.

2) Tín lực (信力; P: Saddhā bala; S: Śraddhābala → lực của *Chánh tín*): Là sức mạnh của Chánh tín, giúp hành giả vững tâm trước mọi thử thách.

3) Tấn lực (精進力; P: Viriya bala; S: Vīryabala → lực của *Chánh tinh tấn*): Là sức mạnh của Chánh tinh tấn, giúp hành giả vượt qua sự buông lung trong tu tập.

4) Niệm lực (念力; P: Sati bala; S: Smṛtibala → lực của *Chánh niệm*): Là sức mạnh của Chánh niệm, giúp hành giả giữ tâm luôn tỉnh giác, không bị các phiền não chi phối.

5) Định lực (定力; P: Samādhi bala; S: Samādhibala → lực của *Chánh định*): Là sức mạnh của Chánh định, giúp tâm hành giả không bị dao động, vững vàng an tịnh.

Xem thêm

- [Indriya - Wikipedia](#)
- [Ngũ căn – Wikipedia tiếng Việt](#)
- [Ngũ lực – Wikipedia tiếng Việt](#)

VIDEO

- [Ngũ Căn - Ngũ Lực | HT Giới Đức](#)
- [Ngũ căn – Ngũ lực || THÍCH VIÊN TRÍ](#)
- [Ngũ Căn, Ngũ Lực - Năm sức mạnh chuyển hóa - HT Pháp Tông](#)
- [Ngũ Căn Ngũ Lực - Pháp Tu Của Bậc Thánh - Thầy Thích Phước Tiến](#)
- [Ngũ căn, ngũ lực - Năm yếu tố cốt lõi của việc tu học Phật pháp - SC. Giác Lê Hiếu](#)



Hoan nghênh các bạn góp ý trao đổi!
